

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NINH BÌNH  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/KDTM-ST

Ngày: 28-09-2020.

Về việc: Tranh chấp Hợp đồng mua  
bán hàng hóa.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thịnh
2. Bà Đồng Thị Thanh Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tô Thị Phương Liên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 13/2020/TLST-KDTM ngày 10 tháng 07 năm 2020 về việc: Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐST - KDTM ngày 10 tháng 09 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần thép và thương mại H, có trụ sở tại: Xóm T, xã S, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Người đại diện cho Công ty cổ phần thép và thương mại H: Ông Nguyễn Văn K; địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 301/2020/VBUQ ngày 24-08-2020 của Giám đốc Công ty cổ phần thép và thương mại H; có mặt.

- Bị đơn: Công ty cổ phần Phúc L, có trụ sở tại: Lô C1, khu công nghiệp Khánh P, xã P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; Người đại diện cho Công ty cổ phần Phúc L: Bà Ngô Thị T, nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần Phúc L là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 200815. 01/ UQ- CPPL ngày 15/08/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phúc L; có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn K trình bày:* Ngày 05-05-2016, Công ty cổ phần Phúc L (trong hợp đồng được gọi là bên A) và Công ty cổ phần thép và thương mại H (trong hợp đồng được gọi là bên B) có ký kết với nhau Hợp đồng kinh tế số 55.2016/HĐKT/CPPL-THN ngày 05-05-2016 về việc mua bán sắt thép các loại do các doanh nghiệp sản xuất. Thời hạn thanh toán theo thỏa thuận của từng đơn hàng, lãi suất chậm thanh toán là 0.07%/ngày.

Sau khi ký hợp đồng, bên A đã mua hàng của bên B tổng số tiền hàng 2.018.234.235 đồng cụ thể như sau:

- Ngày 01-08-2016 mua 756.925.345 đồng có kèm theo hóa đơn GTGT số 0004109 và biên bản giao hàng ngày 01/8/2016.

- Ngày 19-08-2016 mua 1.261.308.890 đồng có kèm theo hóa đơn GTGT số 0004720 và biên bản giao nhận hàng ngày 19/8/2016.

Sau khi mua hàng của bên B, bên A đã thanh toán cho bên B tổng số tiền hàng là 1.660.134.260 đồng trong đó ngày 07-10-2016 thanh toán 1.260.134.260 đồng và ngày 12-12-2017 thanh toán 400.000.000 đồng, số tiền mua hàng còn nợ lại là 358.099.975 đồng. Do đó Công ty cổ phần thép và thương mại H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần Phúc L phải trả số tiền gốc là 358.099.975 đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 30-04-2020 là 483.181.422 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi phải trả tính đến ngày 30-04-2020 là 841.281.397 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01-05-2020 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, Công ty cổ phần thép và thương mại H và Công ty cổ phần Phúc L thống nhất được số nợ gốc, không thống nhất được số tiền lãi và thời hạn trả nợ. Tại phiên tòa hôm nay Công ty cổ phần thép và thương mại H không nhất trí với phương án trả nợ của bị đơn về việc thanh toán số tiền gốc mỗi tháng 50.000.000 đồng kể từ tháng 10-2020 cho đến khi thanh toán hết nợ và số tiền lãi tính đến ngày 28-09-2020 là 305.889.974 đồng (mức lãi suất là 15%/ năm). Công ty cổ phần thép và thương mại H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền gốc là 358.099.975 đồng, thay đổi một phần đối với khoản tiền lãi là yêu cầu Công ty cổ phần Phúc L trả lãi quá hạn với mức lãi suất là 20%/năm theo pháp luật dân sự cho đến khi thanh toán hết nợ. Do đó đến ngày xét xử sơ thẩm 28-09-2020 thì khoản tiền lãi Công ty cổ phần Phúc L phải trả là 407.853.299 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử 28-09-2020 Công ty cổ phần Phúc L phải trả là: 765.953.274 đồng.

- *Tại bản tự khai, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Ngô Thị T trình bày:* Công ty cổ phần

Phúc L nhất trí với Công ty cổ phần thép và thương mại H về việc giữa hai công ty có ký hợp đồng kinh tế số 55.2016/HĐKT/CPPL-HN về việc ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán thép xây dựng ngày 05-05-2016. Tính đến thời điểm hiện tại Công ty cổ phần Phúc L còn nợ Công ty cổ phần thép và thương mại H số tiền hàng là 358.099.975 đồng. Công ty cổ phần Phúc L cũng xác nhận về số tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử 28-09-2020 theo mức lãi suất 20%/năm là 407.853.299 đồng là đúng. Tuy nhiên hiện tại Công ty cổ phần Phúc L hiện đang rất khó khăn về nguồn vốn nên Công ty cổ phần Phúc L đưa ra phương án trả nợ là đối với số tiền gốc thanh toán mỗi tháng 50.000.000 đồng kể từ tháng 10 -2020 cho đến khi thanh toán hết nợ và đề nghị Công ty cổ phần thép và thương mại H tính lãi với mức lãi suất quá hạn là 15%/năm với số tiền lãi 305.889.974 đồng. Do nguyên đơn không nhất trí phương án trả nợ của Công ty cổ phần Phúc L nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi vụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24; Điều 50, Điều 306 Luật thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty cổ phần thép và thương mại H về việc: “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa”

Buộc Công ty cổ phần Phúc L phải thanh toán số tiền gốc là 358.099.975 đồng; tiền lãi suất chậm thanh toán tạm tính đến ngày xét xử 28-09-2020 là 407.853.299 đồng và tiền lãi phát sinh tiếp theo tính từ ngày 29-09-2020 đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất 20%/ năm.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được hoàn lại số tiền tạm ứng đã nộp. Bị đơn phải nộp án phí kinh doanh thương mại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *1. Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn Công ty cổ phần thép và thương mại H khởi kiện về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn là Công ty cổ phần Phúc L có trụ sở tại lô C1, khu công nghiệp P, xã P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

## *2. Về yêu cầu của nguyên đơn:*

2.1. Về số tiền hàng: Ngày 05-05-2016 Công ty cổ phần thép và thương mại H và Công ty cổ phần Phúc L ký kết hợp đồng kinh tế số 55.2016/HĐKT/CPPL-THN với nội dung Công ty cổ phần thép và thương mại H bán các loại thép vật liệu xây dựng cho Công ty cổ phần Phúc L để thi công công trình. Việc ký kết hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty cổ phần thép và thương mại H đã thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng. Tuy nhiên Công ty cổ phần Phúc L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đến nay Công ty cổ phần Phúc L xác nhận còn nợ Công ty cổ phần thép và thương mại H số tiền hàng là 358.099.975 đồng nhưng hai bên không thống nhất được phương thức trả nợ. Do đó Công ty cổ phần thép và thương mại H khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần Phúc L phải thanh toán số nợ gốc 358.099.975 đồng là có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại Điều 50 Luật thương mại.

2.2. Về lãi suất: Bị đơn thống nhất với nguyên đơn về số tiền mua hàng bị đơn chưa thanh toán, tuy nhiên bị đơn đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết về tiền lãi quá hạn. Xét thấy hai bên đã thỏa thuận tại khoản 5.3 Điều 5 của Hợp đồng kinh tế số 55.2016/HĐKT/CPPL-THN ngày 05-05-2016 với nội dung: “ đến hạn thanh toán mà bên A chưa thanh toán dứt điểm giá trị tiền hàng cho bên B là vi phạm Hợp đồng và phải trả thêm cho bên B số tiền lãi quá hạn trong thời gian quá hạn thanh toán. Mức lãi suất quá hạn áp dụng là 0,07 %/ 1 ngày...” . Tại phiên tòa Công ty cổ phần thép và thương mại H điều chỉnh mức lãi suất và đề nghị tính mức lãi suất chậm thanh toán là 20%/năm theo pháp luật dân sự cho đến khi trả hết nợ; trong đó đến ngày xét xử sơ thẩm 28-09-2020 thì khoản tiền lãi Công ty cổ phần Phúc L phải trả là 407.853.299 đồng. Xét thấy yêu cầu tính lãi suất chậm trả của nguyên đơn tại phiên tòa thấp hơn mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng và phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại, Điều 468 BLDS năm 2015 nên cần chấp nhận. Do đó Công ty cổ phần Phúc L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần thép và thương mại H tổng số tiền gốc và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 28-09-2020 là : 358.099.975 đồng + 407.853.299 đồng = 765.953.274 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ gốc, Công ty cổ phần Phúc L phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 20%/ năm.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Công ty cổ phần Phúc L phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm của số tiền: 765.953.274 đồng  $[20.000.000\text{đồng} + (4\% \times 365.953.274\text{ đồng})] = 34.638.000\text{ đồng}$ .

Công ty cổ phần thép và thương mại H không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên;**

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 50, Điều 306 Luật thương mại; Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần thép và thương mại H đối với Công ty cổ phần Phúc L.

Buộc Công ty cổ phần Phúc L phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần thép và thương mại H tổng số tiền 765.953.274 đồng (*bảy trăm sáu mươi năm triệu chín trăm năm mươi ba nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng*); trong đó tiền nợ gốc là 358.099.975 đồng (*ba trăm năm mươi tám triệu không trăm chín mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng*) và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28-09-2020 là 407.853.299 đồng (*bốn trăm linh bảy triệu tám trăm năm mươi ba nghìn hai trăm chín mươi chín đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ gốc, Công ty cổ phần Phúc L phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 20%/ năm.

2/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần Phúc L phải nộp 34.638.000 đồng (*ba mươi tư triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty cổ phần thép và thương mại H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.600.000 đồng (*Mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001577 ngày 09 tháng 07 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Án xử sơ thẩm công khai; nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ( ngày 28-09-2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Ninh Bình
- Chi cục THA DS thành phố Ninh Bình.
- Đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thanh Phương**









